

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH  
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
SÔNG ĐÀ 11 - THĂNG LONG**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kết quả công tác soát xét	5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2010	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	13 - 27

\*\*\*\*\*





**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 11 – Thăng Long trình bày báo cáo của mình cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 – Thăng Long và Công ty con (gọi chung là “Công ty”) đã được soát xét.

**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Sông Đà 11 – Thăng Long được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp Sông Đà 11.2 và Xí nghiệp Sông Đà 11.5 – Công ty Cổ phần Sông Đà 11. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303001301 ngày 10 tháng 7 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây – nay là thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500589591 thay đổi lần thứ 4 ngày 11 tháng 5 năm 2010 về thay đổi người đại diện theo pháp luật, số điện thoại và địa chỉ Công ty.

**Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:**

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông sáng lập	22.000.000.000	44
Tổng Công ty Sông Đà	1.500.000.000	3
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	15.500.000.000	31
Ông Nguyễn Trí Dũng	5.000.000.000	10
Các cổ đông khác	28.000.000.000	56
<b>Cộng</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>100</b>

**Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : BT 03 - Vị trí 24 - Dự án khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội  
 Điện thoại : 04 22463212  
 Fax : 03.33554511  
 E-mail : Songda11thanglong@gmail.com  
 Mã số thuế : 0500589591

**Các đơn vị trực thuộc:**

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Sông Đà 11.1 – Thăng Long	Lô 138, Khu dân dân, Phường Mỗ Lao, Tp.Hà Đông, Hà Nội
Xí nghiệp Sông Đà 11.2 – Thăng Long	Số 284, Cách mạng Tháng 8, Phường Hoa Lư, tỉnh Gia Lai
Xí nghiệp Sông Đà 11.5 – Thăng Long	Số 243, Trường Chinh, thành phố Đà Nẵng

**Công ty con**

Tên Công ty con	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông	Bản Boong, xã Chiềng Păn, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La

**Ngành nghề kinh doanh:**

- Xây lắp đường dây tải điện, trạm biến áp đến cấp điện áp 500 kV;
- Xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông, bưu điện;

0112  
 TRÁCH  
 MIỆM T  
 Ông



# CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 - THĂNG LONG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Dịch vụ quản lý, vận hành, phân phối điện năng;
- Xây lắp hệ thống điện, cấp thoát nước khu đô thị và khu công nghiệp;
- Xây lắp các kết cấu công trình;
- Dịch vụ quản lý vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, nhà máy nước tại các khu công nghiệp và đô thị;
- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm về cơ khí;
- Dịch vụ quản lý và vận hành kinh doanh bán điện, sản xuất kinh doanh điện thương phẩm;
- Mua bán phương tiện vận tải cơ giới, chuyên chở hàng hoá đường bộ, vật tư thiết bị phục vụ thi công xây dựng, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phụ tùng cơ giới và công nghệ xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi và bưu điện;
- Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, bảo dưỡng, lắp ráp tủ bảng điện công nghệ cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ có cấp điện áp đến 500 kV;
- Bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các nhà máy điện, trạm biến áp, xử lý sự cố bất thường cho các công trình điện;
- Tư vấn chuyên ngành thiết kế hệ thống điện, điện tử và tự động hoá (trừ dịch vụ thiết kế các công trình);
- Xây dựng các khu đô thị, nhà cao tầng và chung cư, khai thác vật liệu xây dựng.

## Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại hợp nhất thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 27).

## Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2010 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

## Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phạm Lạp	Chủ tịch	04 tháng 7 năm 2008
Ông Nguyễn Văn Sơn	Ủy viên	04 tháng 7 năm 2008
Ông Lê Văn Tuấn	Ủy viên	04 tháng 7 năm 2008
Ông Nguyễn Trí Dũng	Ủy viên	04 tháng 7 năm 2008
Ông Trần Văn Ngự	Ủy viên	04 tháng 7 năm 2008

### Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Thanh Giang	Trưởng ban	12 tháng 5 năm 2009	12 tháng 05 năm 2010
Ông Khương Văn Nhiệm	Trưởng ban	12 tháng 5 năm 2010	
Ông Nguyễn Như Thức	Thành viên	04 tháng 7 năm 2008	
Ông Phạm Văn Ngự	Thành viên	12 tháng 5 năm 2009	

330  
NHÀ  
CÔNG  
NHIỆM  
DÂN V  
TAY  
À N  
ĐA



# CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 - THĂNG LONG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

## Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	29 tháng 04 năm 2010	
Ông Nguyễn Văn Sơn	Tổng Giám đốc	04 tháng 7 năm 2008	28 tháng 04 năm 2010
Ông Đào Văn Tầu	Phó Tổng Giám đốc	10 tháng 7 năm 2008	
Ông Phạm Viết Cường	Phó Tổng Giám đốc	10 tháng 7 năm 2008	
Ông Vi Giang Khu	Phó Tổng Giám đốc	10 tháng 7 năm 2008	

## Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

## Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

Ngày 10 tháng 8 năm 2010





**BAKER TILLY  
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN  
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City  
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300  
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City  
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City  
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City  
www.a-c.com.vn

Số: 388/2010/BCTC-KTTV-KT1

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT  
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 - THĂNG LONG**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 - THĂNG LONG**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 - Thăng Long gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, được lập ngày 10 tháng 8 năm 2010, từ trang 06 đến trang 27 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Giám đốc**



**Nguyễn Hoàng Đức**

Số chứng chỉ KTV: 0368/KTV

**Kiểm toán viên**

*Handwritten signature of Hoàng Thị Việt*

**Hoàng Thị Việt**

Số chứng chỉ KTV: 0374/KTV

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2010



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 - THẮNG LONG**

Địa chỉ: BT03 - Vị trí 24 - Dự án khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>193.815.983.527</b>	<b>212.076.712.243</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>15.699.386.211</b>	<b>38.607.743.857</b>
1. Tiền	111		15.699.386.211	18.265.191.190
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	20.342.552.667
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>103.665.292.025</b>	<b>92.496.899.722</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	88.565.240.253	72.387.844.723
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	14.196.256.682	14.346.447.642
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	903.795.090	5.762.607.357
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>64.817.699.882</b>	<b>71.372.118.757</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.5	64.817.699.882	71.372.118.757
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>9.633.605.409</b>	<b>9.599.949.907</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	-	104.118.435
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		851.904.644	405.277.278
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	8.781.700.765	9.090.554.194

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 - THĂNG LONG**

Địa chỉ: BT03 - Vị trí 24 - Dự án khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>30.951.489.973</b>	<b>26.352.999.041</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>18.442.935.216</b>	<b>12.896.669.284</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	8.922.612.781	7.512.206.108
<i>Nguyên giá</i>	222		12.999.217.337	10.366.284.247
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(4.076.604.556)	(2.854.078.139)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	9.520.322.435	5.384.463.176
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>8.000.000.000</b>	<b>8.000.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.10	8.000.000.000	8.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.426.054.757</b>	<b>3.128.829.757</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	2.281.054.757	2.430.635.998
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.12	145.000.000	698.193.759
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>	V.13	<b>2.082.500.000</b>	<b>2.327.500.000</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>224.767.473.500</b>	<b>238.429.711.284</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 - THĂNG LONG**

Địa chỉ: BT03 - Vị trí 24 - Dự án khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>157.657.982.231</b>	<b>171.828.832.442</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>152.911.485.891</b>	<b>168.645.827.026</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	39.966.927.858	56.089.876.758
2. Phải trả người bán	312	V.15	44.697.316.559	48.500.970.464
3. Người mua trả tiền trước	313	V.16	35.336.534.052	36.740.928.499
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	8.187.306.881	5.429.641.649
5. Phải trả người lao động	315		5.217.501.631	4.752.124.403
6. Chi phí phải trả	316	V.18	10.042.041.650	6.588.693.476
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	9.255.461.010	10.543.591.777
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.20	208.396.250	-
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.746.496.340</b>	<b>3.183.005.416</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.21	2.055.130.116	2.055.130.116
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.22	208.767.244	188.875.627
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.23	2.482.598.980	938.999.673
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>V.24</b>	<b>62.909.491.269</b>	<b>64.150.878.842</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>62.909.491.269</b>	<b>64.150.878.842</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.000.000.000	5.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.519.993.850	859.710.318
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		481.338.742	142.530.019
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.908.158.677	8.148.638.505
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>C - LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	<b>V.25</b>	<b>4.200.000.000</b>	<b>2.450.000.000</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>224.767.473.500</b>	<b>238.429.711.284</b>

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 - THĂNG LONG

Địa chỉ: BT03 - Vị trí 24 - Dự án khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		202,32	202,00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập, ngày 10 tháng 8 năm 2010

Người lập biểu

Nguyễn Văn Thạch

Kế toán trưởng

Trần Thanh Giang

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

031  
LI NH  
ONH  
NHIEM  
JAN TA  
LA P  
DA



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 - THĂNG LONG**

Địa chỉ: BT03 - Vị trí 24 - Dự án khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	129.015.398.834
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		129.015.398.834
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.2	110.513.627.724
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.501.771.110
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.3	509.144.183
7. Chi phí tài chính	22	VL.4	3.431.847.325
Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.431.847.325
8. Chi phí bán hàng	24		-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL.5	8.661.022.277
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.918.045.691
11. Thu nhập khác	31	VL.6	3.181.818
12. Chi phí khác	32	VL.7	37.846.005
13. Lợi nhuận khác	40		(34.664.187)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.883.381.504
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	1.852.722.827
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>5.030.658.677</u>
17. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-
17. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62	VI.8	5.030.658.677
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL.9	<u>1.006</u>

Lập, ngày 10 tháng 8 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Thạch

Trần Thanh Giang

Lê Văn Tuấn



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 - THĂNG LONG**

Địa chỉ: BT03 - Vị trí 24 - Dự án khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.883.381.504
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02		1.222.526.417
- Các khoản dự phòng	03		-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(469.762.350)
- Chi phí lãi vay	06		3.431.847.325
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		11.067.992.896
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(13.061.166.240)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		6.554.418.875
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(2.127.939.132)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		253.699.676
- Tiền lãi vay đã trả	13		(3.318.958.094)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(375.100.243)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		506.193.759
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(197.600.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(698.458.503)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(5.790.662.593)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		469.762.350
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(5.820.900.243)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 - THĂNG LONG**

Địa chỉ: BT03 - Vị trí 24 - Dự án khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		2.250.000.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		32.728.547.929
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(48.851.496.829)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.516.050.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>		<u><u>(16.388.998.900)</u></u>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(22.908.357.646)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>38.607.743.857</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<u><u><b>15.699.386.211</b></u></u>

Lập, ngày 10 tháng 8 năm 2010

Người lập biểu



Nguyễn Văn Thạch

Kế toán trưởng



Trần Thanh Giang

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 – THĂNG LONG

Địa chỉ: BT03 – Vị trí 24 – Dự án khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 – Thăng Long 6 tháng đầu năm 2010 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 – Thăng Long và Công ty con (gọi chung là Công ty).

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

- Hình thức sở hữu vốn** : Cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Xây dựng, lắp đặt.
- Ngành nghề kinh doanh** : Xây lắp đường dây tải điện, trạm biến áp đến cấp điện áp 500 kV; Xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông, bưu điện; Dịch vụ quản lý, vận hành, phân phối điện năng; Xây lắp hệ thống điện, cấp thoát nước khu đô thị và khu công nghiệp; Dịch vụ quản lý vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, nhà máy nước tại các khu công nghiệp và đô thị.

- Tổng số công ty con: 01**  
Số lượng Công ty con được hợp nhất: 01

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích tại ngày 30/06/2010</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết tại ngày 30/06/2010</i>
Công ty Cổ phần Thủy Điện To bông	Bản Boong, xã Chiềng Păn, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	62%	51%

#### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

- Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### **III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

- Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất.
- Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức nhật ký chứng từ trên máy vi tính.





## **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 – THĂNG LONG**

Địa chỉ: BT03 – Vĩ trí 24 – Dự án khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

#### **2. Cơ sở hợp nhất**

##### **Công ty con**

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và Công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

#### **3. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

#### **4. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trị giá hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### **5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

#### **6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 – THĂNG LONG

Địa chỉ: BT03 – Vị trí 24 – Dự án khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	6 - 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8

### 7. Chi phí đi vay

Các chi phí đi vay được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm.

### 8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

### 9. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh lớn hơn phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng (nếu có) của bên bị mua. Lợi thế thương mại được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong 05 năm.

### 10. Chi phí trả trước dài hạn

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

#### *Thương hiệu Sông Đà và lợi thế thương mại*

Thương hiệu Sông Đà và lợi thế thương mại được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 01 tháng 8 năm 2008 của Công ty Cổ phần Sông Đà 11. Thương hiệu Sông Đà và lợi thế thương mại được phân bổ trong 10 năm.

### 11. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

### 12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

### 13. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 2% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong năm. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

203  
HỊ N  
CÓN  
NHIT  
TOÁN  
TP  
HAI  
Đ.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 – THĂNG LONG**

Địa chỉ: BT03 – Vị trí 24 – Dự án khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **14. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

### **15. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

### **16. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

### **17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của Công ty chủ yếu từ hoạt động xây lắp, được ghi nhận trên cơ sở khối lượng xây lắp hoàn thành đã có biên bản nghiệm thu A - B và được khách hàng chấp nhận, lập phiếu giá thanh toán.

Khi bán hàng hóa, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

### **18. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Các bên có liên quan với Tập đoàn được trình bày ở thuyết minh VII.1.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 – THẮNG LONG**

Địa chỉ: BT03 – Vị trí 24 – Dự án khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.963.372.285	3.530.761.713
Tiền gửi ngân hàng	12.736.013.926	14.734.429.477
Các khoản tương đương tiền	-	20.342.552.667
<b>Cộng</b>	<b><u>15.699.386.211</u></b>	<b><u>38.607.743.857</u></b>

**2. Phải thu của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng cung cấp dịch vụ xây dựng, lắp đặt	80.920.616.404	62.036.327.447
Khách hàng điện, nước và dịch vụ khác	7.644.623.849	10.351.517.276
<b>Cộng</b>	<b><u>88.565.240.253</u></b>	<b><u>72.387.844.723</u></b>

**3. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Người bán cung cấp dịch vụ xây dựng, lắp đặt	3.969.016.294	4.809.757.608
Người bán cung cấp vật tư và dịch vụ khác	10.227.240.388	9.536.690.034
<b>Cộng</b>	<b><u>14.196.256.682</u></b>	<b><u>14.346.447.642</u></b>

**4. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền đền bù đã trả hộ cho dân chưa quyết toán với chủ đầu tư	350.291.609	5.262.456.341
BHXH, BHYT, BHTN phải thu nhân viên	123.503.795	42.735.858
Các khoản phải thu khác	429.999.686	457.415.158
<b>Cộng</b>	<b><u>903.795.090</u></b>	<b><u>5.762.607.357</u></b>

**5. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	6.607.968.166	21.742.654.814
Công cụ, dụng cụ	210.108.785	416.112.654
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	57.999.622.931	49.213.351.289
<b>Cộng</b>	<b><u>64.817.699.882</u></b>	<b><u>71.372.118.757</u></b>

**6. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Là công cụ, dụng cụ chờ phân bổ.		
Số đầu năm		104.118.435
Tăng trong kỳ		-
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ		(104.118.435)
<b>Số cuối kỳ</b>		<b><u>-</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 – THĂNG LONG**

Địa chỉ: BT03 – Vị trí 24 – Dự án khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****7. Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	8.769.700.765	7.078.554.194
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	12.000.000	2.012.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>8.781.700.765</u></b>	<b><u>9.090.554.194</u></b>

**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	4.368.233.368	5.456.814.433	541.236.446	10.366.284.247
Tăng do mua sắm mới	305.000.000	2.250.814.908	77.118.182	2.632.933.090
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>4.673.233.368</u></b>	<b><u>7.707.629.341</u></b>	<b><u>618.354.628</u></b>	<b><u>12.999.217.337</u></b>
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	460.740.171	176.298.919	14.178.536	651.217.626
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	1.420.135.813	1.342.178.876	91.763.450	2.854.078.139
Tăng do khấu hao trong kỳ	532.393.930	637.908.315	52.224.172	1.222.526.417
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>1.952.529.743</u></b>	<b><u>1.980.087.191</u></b>	<b><u>143.987.622</u></b>	<b><u>4.076.604.556</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	2.948.097.555	4.114.635.557	449.472.996	7.512.206.108
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>2.720.703.625</u></b>	<b><u>5.727.542.150</u></b>	<b><u>474.367.006</u></b>	<b><u>8.922.612.781</u></b>

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 4.496.098.879 VND và 3.947.745.271 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quang Trung.

**9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm TSCĐ	-	2.239.128.546	2.239.128.546	-	-
XDCB dở dang	5.384.463.176	4.135.859.259	-	-	9.520.322.435
<i>CT Trụ sở Công ty</i>	<i>5.085.566.106</i>	<i>319.889.697</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>5.405.455.803</i>
<i>CT Nhà máy thủy điện To Bông</i>	<i>298.897.070</i>	<i>3.815.969.562</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>4.114.866.632</i>
Sửa chữa lớn TSCĐ	-	139.099.182	-	139.099.182	-
<b>Cộng</b>	<b><u>5.384.463.176</u></b>	<b><u>8.753.215.533</u></b>	<b><u>4.478.257.092</u></b>	<b><u>139.099.182</u></b>	<b><u>9.520.322.435</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 – THĂNG LONG**

Địa chỉ: BT03 – Vị trí 24 – Dự án khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****10. Đầu tư dài hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư trái phiếu Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà(*)	5.000	5.000.000.000	5.000	5.000.000.000
Đầu tư vào đơn vị khác				
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11</i>	300.000	3.000.000.000	300.000	3.000.000.000
<b>Cộng</b>		<b>8.000.000.000</b>		<b>8.000.000.000</b>

(\*) Trái phiếu Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà, đáo hạn ngày 25 tháng 12 năm 2012, lãi suất trái phiếu năm đầu tiên là 9,5%/ năm, các năm sau lãi suất được xác định bằng bình quân lãi suất gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả sau của 4 ngân hàng thương mại lớn được công bố tại sở giao dịch (BIDV, Vietinbank, Agribank, Vietcombank) vào thời điểm SDFC thực hiện trả lãi cộng 2,5%/năm.

**11. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển	Số cuối kỳ
			vào chi phí SXKD trong kỳ	
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	456.569.934	228.538.154	231.917.060	453.191.028
Thương hiệu Sông Đà	1.287.500.000	-	75.000.000	1.212.500.000
Lợi thế thương mại	643.750.000	-	37.500.000	606.250.000
Chi phí sửa chữa lớn tài sản	42.816.064	-	33.702.335	9.113.729
<b>Cộng</b>	<b>2.430.635.998</b>	<b>228.538.154</b>	<b>378.119.395</b>	<b>2.281.054.757</b>

**12. Tài sản dài hạn khác**

Là khoản ký cược, ký quỹ dài hạn

**13. Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh khi hợp nhất Công ty con - Công ty Cổ phần Thủy điện To buông, chi tiết tăng giảm trong năm như sau:

Số đầu năm	2.327.500.000
Số phát sinh trong kỳ	-
Số kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ	(245.000.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.082.500.000</b>

**14. Vay và nợ ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	27.037.440.215	13.409.987.024
<i>Ngân hàng Công thương Việt Nam – CN Quang Trung<sup>(a)</sup></i>	25.668.530.983	2.142.595.083
<i>Ngân hàng TMCP Tiên Phong – CN Hà Nội<sup>(b)</sup></i>	1.368.909.232	11.267.391.941
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	12.506.138.815	41.833.192.078
<i>Vay Công ty Tài Chính Cổ phần Sông Đà<sup>(c)</sup></i>	12.506.138.815	41.833.192.078
Vay dài hạn đến hạn trả	423.348.828	846.697.656
<b>Cộng</b>	<b>39.966.927.858</b>	<b>56.089.876.758</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 – THĂNG LONG

Địa chỉ: BT03 – Vị trí 24 – Dự án khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Quang Trung để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp.
- (b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất và tài trợ thương mại. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc duy trì giá trị các khoản phải thu tối thiểu là 30.000.000.000 VND.
- (c) Vay Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà theo lãi suất không vượt quá lãi suất trần của Ngân hàng Nhà nước. Khoản vay này được đảm bảo bằng uy tín và năng lực của bên vay, toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác, các khoản phải thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và các đối tác mà Công ty là người thụ hưởng.

#### Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	13.409.987.024	27.037.440.215	13.409.987.024	27.037.440.215
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	41.833.192.078	5.691.107.714	35.018.160.977	12.506.138.815
Vay dài hạn đến hạn trả	846.697.656	-	423.348.828	423.348.828
<b>Cộng</b>	<b>56.089.876.758</b>	<b>32.728.547.929</b>	<b>48.851.496.829</b>	<b>39.966.927.858</b>

#### 15. Phải trả cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Người bán cung cấp dịch vụ xây dựng, lắp đặt	17.762.655.541	9.947.206.369
Người bán cung cấp vật tư và dịch vụ khác	26.934.661.018	38.553.764.095
<b>Cộng</b>	<b>44.697.316.559</b>	<b>48.500.970.464</b>

#### 16. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Người mua trả trước tiền khối lượng xây dựng, lắp đặt	29.594.926.623	36.259.084.340
Người mua trả trước tiền mua điện, nước và dịch vụ khác	5.741.607.429	481.844.159
<b>Cộng</b>	<b>35.336.534.052</b>	<b>36.740.928.499</b>

#### 17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.742.079.722	4.864.735.234	3.637.055.813	3.969.759.143
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.649.510.675	1.852.722.827	375.100.243	4.127.133.259
Thuế thu nhập cá nhân	38.051.252	71.459.403	19.096.176	90.414.479
Các loại thuế khác	-	10.000.000	10.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	111.000.000	111.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>5.429.641.649</b>	<b>6.909.917.464</b>	<b>4.152.252.232</b>	<b>8.187.306.881</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 – THĂNG LONG**

Địa chỉ: BT03 – Vị trí 24 – Dự án khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem thuyết minh số IV.16.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.883.381.504
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:	421.846.005
- Các khoản điều chỉnh tăng	421.846.005
+ Tiền phạt do chậm nộp BHXH	10.035.732
+ Thuế bị phạt, bị truy thu	27.810.273
+ Thù lao HĐQT và BKS không điều hành sản xuất	139.000.000
+ Giá trị lợi thế thương mại phân bổ	245.000.000
Tổng thu nhập chịu thuế	7.305.227.509
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp</b>	<b>1.826.306.877</b>
<b>Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước</b>	<b>26.415.950</b>
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.852.722.827</b>

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**18. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	130.667.616	17.778.385
Chi phí vận chuyển	129.545.455	14.000.000
Chi phí thuê nhà	155.400.000	26.400.000
Tiền điện tại công trình Xekaman 1	153.970.410	47.696.673
Trích trước chi phí ca máy	100.000.000	-
Khối lượng xây lắp tạm tính	8.988.498.907	6.482.818.418
Chi phí nguyên vật liệu	376.259.262	-
Chi phí đào tạo nghề cho CBCNV	7.700.000	-
<b>Cộng</b>	<b>10.042.041.650</b>	<b>6.588.693.476</b>

**19. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp	1.088.906.360	1.406.096.469
Bảo hiểm y tế	2.840.904	4.711.139
Kinh phí công đoàn	356.430.060	408.132.377
Nhận ký quỹ ngắn hạn	49.220.000	49.220.000
Tiền cổ tức phải trả cho cổ đông	3.350.000.000	-
Mượn tạm Công ty Cổ phần Sông Đà 11	300.000.000	300.000.000
Tiền khối lượng chưa thanh toán cho chủ nhiệm công trình hoặc chỉ quá tạm ứng chưa trả	1.779.281.974	1.212.414.153



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 – THĂNG LONG**

Địa chỉ: BT03 – Vị trí 24 – Dự án khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chủ đầu tư cấp nguồn chi trả hộ tiền đền bù	1.025.273.706	5.858.095.986
Phải trả phải nộp khác	1.303.508.006	1.304.921.653
<b>Cộng</b>	<b><u>9.255.461.010</u></b>	<b><u>10.543.591.777</u></b>
<b>20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi</b>		
Số đầu năm		-
Tăng do trích lập từ lợi nhuận		405.996.250
Chi quỹ trong kỳ		(197.600.000)
<b>Số cuối kỳ</b>		<b><u>208.396.250</u></b>
<b>21. Vay và nợ dài hạn</b>		
Là khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Quang Trung, bao gồm:		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Hợp đồng tín dụng số 26061/2009/HĐTD <sup>(a)</sup>	1.020.554.013	1.020.554.013
- Hợp đồng tín dụng số 26060/2009/HĐTD <sup>(b)</sup>	1.034.576.103	1.034.576.103
<b>Cộng</b>	<b><u>2.055.130.116</u></b>	<b><u>2.055.130.116</u></b>
<sup>(a)</sup> Hợp đồng tín dụng số 26061/2009/HĐTD ngày 26 tháng 6 năm 2009 để thực hiện dự án: “Đầu tư mua sắm xe ô tô phục vụ quản lý điều hành”. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc đảm bảo tài sản hình thành trong tương lai là toàn bộ giá trị tài sản máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư: “Đầu tư mua sắm xe ô tô phục vụ quản lý điều hành”, giá trị tài sản tạm tính: 2.736.180.225 VND.		
<sup>(b)</sup> Hợp đồng tín dụng số 26060/2009/HĐTD ngày 26 tháng 6 năm 2009 để thực hiện dự án “Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2009”. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc đảm bảo tài sản hình thành trong tương lai là toàn bộ giá trị tài sản máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư: “Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2009”, giá trị tài sản tạm tính: 3.826.900.000 VND.		
<b>Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn</b>		
Từ 1 năm trở xuống		-
Trên 1 năm đến 5 năm		2.055.130.116
Trên 5 năm		-
<b>Tổng nợ</b>		<b><u>2.055.130.116</u></b>
<b>Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn ngân hàng</b>		
Số đầu năm		2.055.130.116
Số tiền vay phát sinh trong kỳ		-
Số tiền vay đã trả trong kỳ		-
<b>Số cuối kỳ</b>		<b><u>2.055.130.116</u></b>
<b>22. Dự phòng trợ cấp mất việc làm</b>		
Số đầu năm		188.875.627
Số trích lập bổ sung trong kỳ		19.891.617
Số đã chi trong kỳ		-
<b>Số cuối kỳ</b>		<b><u>208.767.244</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 – THĂNG LONG

Địa chỉ: BT03 – Vị trí 24 – Dự án khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 23. Doanh thu chưa thực hiện

Là doanh thu chưa thực hiện của dịch vụ xây dựng, lắp đặt.

### 24. Vốn chủ sở hữu

*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	50.000.000.000	5.000.000.000	859.710.318	142.530.019	8.148.638.505	64.150.878.842
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	5.030.658.677	5.030.658.677
Trích lập các quỹ trong kỳ này	-	-	1.660.283.532	338.808.723	(2.405.088.505)	(405.996.250)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(5.866.050.000)	(5.866.050.000)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>2.519.993.850</b>	<b>481.338.742</b>	<b>4.908.158.677</b>	<b>62.909.491.269</b>

#### *Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	50.000.000.000	26.055.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	5.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>55.000.000.000</b>	<b>26.055.000.000</b>

#### *Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận*

	Kỳ này
Vốn đầu tư đầu năm	50.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-
<b>Vốn đầu tư cuối kỳ</b>	<b>50.000.000.000</b>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	5.866.050.000

#### *Cổ phiếu*

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

10:00  
HÀ  
CỘNG  
HỢP  
TOÀN  
HÀ  
3/11



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 – THẮNG LONG

Địa chỉ: BT03 – Vị trí 24 – Dự án khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

*Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính.*

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

### 25. Lợi ích cổ đông thiểu số

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của cổ đông thiểu số trong Công ty		
Cổ phần Thủy điện To Bùng	4.200.000.000	2.450.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>4.200.000.000</u></b>	<b><u>2.450.000.000</u></b>

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

### 1. Doanh thu

	<u>Kỳ này</u>
Doanh thu kinh doanh điện	2.692.512.593
Doanh thu cung cấp dịch vụ (quản lý vận hành hệ thống máy phát điện dự phòng, cung cấp nước sinh hoạt, phục vụ xây lắp khác)	16.429.345.696
Doanh thu hoạt động xây dựng	109.893.540.545
<b>Cộng</b>	<b><u>129.015.398.834</u></b>

### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này</u>
Giá vốn của hoạt động kinh doanh điện	2.239.148.826
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	11.859.494.058
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	96.414.984.840
<b>Cộng</b>	<b><u>110.513.627.724</u></b>

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	39.381.833
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	469.762.350
<b>Cộng</b>	<b><u>509.144.183</u></b>

### 4. Chi phí tài chính

Là chi phí lãi vay phát sinh trong năm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 – THĂNG LONG

Địa chỉ: BT03 – Vị trí 24 – Dự án khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này</u>
Chi phí nhân viên quản lý	4.309.400.495
Chi phí vật liệu quản lý	515.449.755
Chi phí đồ dùng văn phòng	297.407.508
Chi phí khấu hao TSCĐ	391.841.943
Thuế, phí và lệ phí	161.382.969
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.297.347.900
Chi phí bằng tiền khác	1.688.191.707
<b>Cộng</b>	<b><u><u>8.661.022.277</u></u></b>

### 6. Thu nhập khác

Là tiền bán hồ sơ thầu.

### 7. Chi phí khác

	<u>Kỳ này</u>
Tiền phạt do chậm nộp BHXH	10.035.732
Tiền phạt chậm nộp thuế	27.810.273
<b>Cộng</b>	<b><u><u>37.846.005</u></u></b>

### 8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Kỳ này</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.030.658.677
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.030.658.677
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u><u>1.006</u></u></b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	5.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ</b>	<b><u><u>5.000.000</u></u></b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Tiền lương	324.740.637
Phụ cấp	228.690.000
<b>Cộng</b>	<b><u><u>553.430.637</u></u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 – THĂNG LONG

Địa chỉ: BT03 – Vị trí 24 – Dự án khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11	Công ty con cùng tập đoàn

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Kỳ này</u>
<b>Công ty Cổ phần Sông Đà 11</b>	<b>19.826.068.813</b>
<i>Giao dịch bán hàng</i>	<i>15.964.763.868</i>
Khối lượng Công trình thực hiện trong kỳ	14.513.421.698
Thuế GTGT	1.451.342.170
Thanh toán tiền ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	506.193.759
<i>Giao dịch mua hàng</i>	<i>3.861.304.945</i>
Khối lượng Công trình thực hiện trong kỳ	3.402.256.168
Thuế GTGT	340.225.617
Tiền phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	108.021.054
Thuế GTGT	10.802.106
<i>Giao dịch khác</i>	<i>3.035.000.000</i>
Nhận tiền góp vốn trong kỳ	-
Tiền ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng công trình nước Thái Bình nhập gốc vay	-
Vay ngắn hạn trong kỳ	-
Lãi vay ngắn hạn nhập gốc	-
Tiền cổ tức năm 2008 và 2009	3.035.000.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Công ty Cổ phần Sông Đà 11</b>	<b>21.718.370.320</b>	<b>19.679.768.145</b>
Phải thu khối lượng xây lắp và các dịch vụ khác	21.718.370.320	19.173.574.386
Kỹ quỹ, ký cược	-	506.193.759
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11</b>	<b>662.725.936</b>	<b>764.615.829</b>
Phải thu khối lượng xây lắp và các dịch vụ khác	662.725.936	764.615.829
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>22.381.096.256</b>	<b>20.444.383.974</b>
<b>Công ty Cổ phần Sông Đà 11</b>	<b>14.954.991.813</b>	<b>13.356.421.015</b>
Vay vốn lưu động	300.000.000	300.000.000
Ứng trước về giá trị công trình xây dựng	10.606.135.975	11.452.583.791
Phải trả tiền khối lượng	1.013.855.838	1.603.837.224
Phải trả tiền cổ tức	3.035.000.000	-



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 – THĂNG LONG

Địa chỉ: BT03 – Vị trí 24 – Dự án khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11	-	101.889.893
Phải trả tiền mua vật tư	-	101.889.893
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>14.954.991.813</b>	<b>13.458.310.908</b>

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

#### 2. Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2010, trong phạm vi có liên quan, Công ty áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngoài ra, ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Các yêu cầu của Thông tư này sẽ được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

#### 3. Thông tin so sánh

Công ty Cổ phần Thủy điện To buông (Công ty con) được hợp nhất vào Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long từ quý 4 năm 2009 do đó không có số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm 2010.

Lập, ngày 10 tháng 8 năm 2010

Người lập biểu

Nguyễn Văn Thạch

Kế toán trưởng

Trần Thanh Giang

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

